

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/KDTM-PT

Ngày 30/11/2020

*“Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa; dịch vụ”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thúy Hằng

Các thẩm phán: ông Trần Quang Cường

ông Ngô Văn Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2020/TLPT-KDTM ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc: *“Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa; dịch vụ”*.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 08/2020/KDTM-ST ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 78/2020/QĐXXPT-KDTM ngày 04/11/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 72/2020/QĐ-PT ngày 20/11/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần E (gọi tắt là Công ty E); địa chỉ: cụm dân cư Nội Thương, xã X, huyện L, thành phố Hà Nội;

Người đại diện của Công ty E: bà Đinh Thị V – Chức vụ: Trưởng Phòng Pháp chế - Công ty E, là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền số: 01/2019/E ngày 01/01/2019 của Tổng giám đốc Công ty E, có mặt.

2. *Bị đơn:* Tổng công ty B; địa chỉ: Tổ 3, khu 8, phường H, thành phố Hạ L, tỉnh Quảng Ninh;

Người đại diện theo ủy quyền của Tổng công ty B: ông Lưu Xuân N –

Chức vụ: Kế toán trưởng - Tổng công ty B, theo Giấy ủy quyền số: 1383/UQ-ĐB ngày 10/3/2020 của Tổng Giám đốc, Tổng công ty B, có mặt.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn Tổng công ty B.

4. *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, người đại diện của Công ty Cổ phần E là bà Đinh Thị V trình bày:*

Ngày 01/3/2017, Công ty E ký Hợp đồng số: 03/2017/HĐKT “V/v Cung cấp, lắp đặt chần, ga, gối, đệm; rèm phòng nghỉ, rèm cửa T1” (gọi tắt là Hợp đồng số: 03/2017/HĐKT) với Tổng công ty B, tổng giá trị hợp đồng là 3.880.000.000 đồng. Ngày 28/3/2017, Tổng công ty B tạm ứng cho Công ty E số tiền 1.164.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền tạm ứng, Công ty E đã thi công lắp đặt hoàn thiện toàn bộ các hạng mục theo Hợp đồng số: 03/2017/HĐKT đã ký kết. Ngày 22/12/2017, Công ty E bàn giao toàn bộ hàng hóa cho Tổng công ty B và xuất Hóa đơn giá trị gia tăng số 0001029 tương ứng với số tiền là 3.880.000.000 đồng. Ngày 30/6/2018, hai bên đã có biên bản xác nhận về việc Tổng công ty B còn nợ 2.716.000.000 đồng; ngày 01/4/2019, các bên đã ký biên bản nghiệm thu công trình xây dựng để đưa vào sử dụng. Theo thỏa thuận tại Điều 8 và Điều 9 của Hợp đồng số: 03/2017/HĐKT thì thời hạn thanh toán 95% giá trị hợp đồng là trong vòng 45 ngày kể từ ngày Tổng công ty B nhận đủ hồ sơ thanh toán; thời hạn quyết toán 100% giá trị hợp đồng là trong vòng 30 ngày sau khi Công ty E đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng và đề nghị quyết toán hợp đồng. Tuy nhiên, đến nay Tổng công ty B vẫn chưa thanh toán cho Công ty E. Do đó, Công ty E khởi kiện yêu cầu Tổng công ty B phải thanh toán các khoản như sau :

- Nợ gốc là: 2.716.000.000 đồng.

- Nợ lãi quá hạn do chậm thanh toán tính từ ngày 15/8/2018 đến ngày xét xử (ngày 07/8/2020) là: $2.522.000.000 \text{ đồng} \times 15\%/\text{năm} \times 717 \text{ ngày} = 743.126.301 \text{ đồng}$.

- Nợ lãi quá hạn do chậm quyết toán tính từ ngày 01/5/2019 đến ngày xét xử (ngày 07/8/2020) là: $194.000.000 \text{ đồng} \times 15\%/\text{năm} \times 448 \text{ ngày} = 36.833.424 \text{ đồng}$.

** Trong quá trình tố tụng, người đại diện của bị đơn Tổng công ty B, ông Lưu Xuân N trình bày:*

Tổng công ty B thừa nhận việc ký kết Hợp đồng số: 03/2017/HĐKT, số tiền tạm ứng và số tiền còn nợ như Công ty E trình bày là đúng. Riêng về tổng số tiền lãi là 779.959.725 đồng, Tổng công ty B không đồng ý bởi: Hai bên không có điều khoản phạt vi phạm hợp đồng, phạt chậm trả; Hợp đồng số: 03/2017/HĐKT không thỏa thuận áp dụng Luật Thương mại nên việc Công ty E căn cứ Điều 306 Luật Thương mại xác định lãi chậm trả là không đúng. Ngày 01/4/2019, Công ty E mới

chuyển hồ sơ quyết toán cho Tổng công ty B nên Tổng công ty B chỉ chấp nhận tính lãi từ ngày 01/4/2019.

Với nội dung trên, tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 08/2020/KDTM-ST ngày 07/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh đã quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty E, buộc Tổng công ty B phải thanh toán cho Công ty E số tiền 3.495.959.725 đồng, trong đó tiền gốc là 2.716.000.000 đồng và tiền lãi là 779.959.725 đồng. Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo và quyền thi hành án theo luật định.

- Ngày 25/8/2020, bị đơn Tổng công ty B kháng cáo bản án sơ thẩm về nội dung xác định thời điểm chịu lãi suất quá hạn do chậm thanh toán, quyết toán và xác định lại phần án phí. Cụ thể: Tổng công ty B chỉ chấp nhận tính lãi chậm thanh toán từ ngày 08/10/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/8/2020) là 299 ngày; về giá trị chậm trả tính bằng 100% giá trị quyết toán vì hai bên đã ký xác nhận quyết toán ngày 01/4/2019.

- Ngày 21/8/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh ban hành kháng nghị số: 01/QĐ/KNPT-KDTM với các nội dung:

1. Về xác định thời hạn chịu lãi suất quá hạn và lãi do chậm quyết toán:

Hợp đồng dịch vụ giữa Công ty E và Tổng công ty B đã thoả thuận về nghĩa vụ thanh toán của bên mua trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày bên cung cấp dịch vụ hoàn thành hồ sơ thanh toán hợp lệ trong đó có hoá đơn giá trị gia tăng. Do Tổng công ty B vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng, nên việc Công ty E khởi kiện yêu cầu thanh toán tiền hàng, số tiền dịch vụ còn lại. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc thanh toán tiền nợ gốc là có căn cứ.

Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Công ty E về việc thanh toán lãi quá hạn do chậm thanh toán tính từ ngày 15/8/2018 đến ngày xét xử (ngày 07/8/2020) là 743.126.301 đồng và lãi quá hạn do chậm quyết toán, tính từ ngày 01/5/2019 đến ngày xét xử (ngày 07/8/2020) số tiền 36.833.424 đồng là chưa chính xác. Bởi lẽ: Theo thoả thuận của các bên tại Điều 8 Hợp đồng số 03/2017/HĐKT thì thời hạn thanh toán là 45 ngày kể từ ngày Tổng công ty B nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ trong đó có hóa đơn giá trị gia tăng, theo đó ngày 22/12/2017 Công ty E xuất hoá đơn liên 1 nhưng chưa có tài liệu thể hiện việc Công ty E giao cho Tổng công ty B liên 2 hoá đơn. Mặt khác, ngày 20/8/2019, hai bên tiến hành lập biên bản về việc Công ty E làm mất hóa đơn giá trị gia tăng liên 2 (liên giao cho khách hàng); ngày 23/8/2019, Công ty E và Tổng công ty B lập biên bản bàn giao liên 1 hóa đơn giá trị gia tăng số 0001029 ngày 22/12/2017, như vậy thời hạn phải chịu lãi quá hạn đối với số tiền chậm trả phải được tính từ sau ngày 23/8/2019. Bản án sơ thẩm buộc Tổng công ty B phải chịu tiền lãi chậm trả từ ngày 15/8/2018, theo đó phải chịu tiền án phí sơ thẩm đối với số tiền lãi quá hạn như đã

nêu trên là không chính xác, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Tổng công ty B.

Ngoài ra, Hợp đồng số: 03/2017/HĐKT không quy định về phạt lãi quá hạn do chậm quyết toán đối với bên bị vi phạm. Bản án lại buộc Tổng công ty B phải trả cho Công ty E số tiền lãi quá hạn do chậm quyết toán tính từ ngày 01/5/2019 đến ngày xét xử (ngày 07/8/2020) là 448 ngày với số tiền là 36.833.424 đồng là không đúng quy định tại Điều 297, Điều 306 Luật Thương mại, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Tổng công ty B.

2. Về án phí:

Bản án sơ thẩm buộc Tổng công ty B phải thanh toán cho Công ty E tổng số tiền 3.495.959.725 đồng, theo đó Tổng công ty B phải chịu 109.900.000 đồng án phí sơ thẩm là không chính xác, không đúng theo quy định tại điểm d mục 1.4 Phần II – Danh mục án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; theo quy định Tổng công ty B chỉ phải chịu 101.919.000 đồng án phí. Việc tính sai án phí làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Tổng công ty B.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn Công ty E giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn Tổng công ty B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung kháng nghị.
- Nguyên đơn Công ty E và bị đơn Tổng công ty B đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau :

Tổng công ty B nhất trí thanh toán ngay cho Công ty E số tiền nợ gốc là 2.716.000.000 đồng (đã thanh toán ngày 30/11/2020).

Công ty E và Tổng công ty B thống nhất tính lãi do chậm thanh toán từ ngày 08/10/2019 đến ngày 30/11/2020 (ngày xét xử phúc thẩm) là: 2.716.000.000 đồng x 15%/năm x 418 ngày = 466.556.712 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Về tố tụng, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đều chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Sự thỏa thuận của đương sự tại phiên tòa là tự nguyện và phù hợp với nội kháng nghị của Viện kiểm sát nên đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị, sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của Tổng công ty B và Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật Tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty E và nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng số: 03/2017/HĐKT ngày 01/3/2017 giữa Công ty E và Tổng công ty B, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*” là chưa đầy đủ. Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa; dịch vụ*”.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn Công ty E và bị đơn Tổng công ty B đều thừa nhận ngày 01/3/2017, Công ty E ký Hợp đồng số: 03/2017/HĐKT với Tổng công ty B để cung cấp, lắp đặt các sản phẩm chần, ga, gối, đệm; rèm phòng nghỉ, rèm cửa T1, tổng giá trị hợp đồng là 3.880.000.000 đồng. Ngày 28/3/2017, Tổng công ty B tạm ứng cho Công ty E số tiền 1.164.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền tạm ứng, Công ty E đã thi công lắp đặt hoàn thiện toàn bộ các hạng mục theo Hợp đồng số: 03/2017/HĐKT đã ký kết. Đến nay, Tổng công ty B chưa thanh toán giá trị còn lại của Hợp đồng số: 03/2017/HĐKT cho Công ty E. Do đó, việc Công ty E khởi kiện yêu cầu Tổng công ty B trả 2.716.000.000 đồng chưa thanh toán và tiền lãi do chậm thanh toán là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Công ty E và bị đơn Tổng công ty B đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau :

Tổng công ty B nhất trí thanh toán ngay cho Công ty E số tiền nợ theo Hợp đồng số: 03/2017/HĐKT còn chưa thanh toán là 2.716.000.000 đồng (đã thanh toán ngày 30/11/2020).

Công ty E và Tổng công ty B thống nhất tính lãi do Tổng công ty B chậm thanh toán từ ngày 08/10/2019 đến ngày 30/11/2020 (ngày xét xử phúc thẩm) là: $2.716.000.000 \text{ đồng} \times 15\%/\text{năm} \times 418 \text{ ngày} = 466.556.712 \text{ đồng}$.

Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nội dung thỏa thuận của các đương sự nên chấp nhận.

[3] Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm nhưng không thỏa thuận được với nhau về việc chịu án phí sơ thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định theo quy định pháp luật. Tổng Công ty B chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể, Tổng công ty B phải chịu 95.651.000 đồng án phí sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm: Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm. Căn cứ quy định tại Khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Tổng Công ty B phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 300; khoản 2 Điều 308; Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị số: 01/QĐ/KNPT-KDTM ngày 21/8/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh và công nhận sự thỏa thuận giữa Công ty cổ phần E và Tổng công ty B. Sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 24; Điều 34; Điều 37; Điều 42; Điều 50; Điều 55; Điều 74, Điều 82, Điều 85, Điều 87 và Điều 306 Luật Thương mại. Khoản 2 Điều 26; Khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

[1] Tổng công ty B thanh toán cho Công ty cổ phần E tổng số tiền 3.182.556.712 (*Ba tỷ, một trăm tám mươi hai triệu, năm trăm sáu nghìn, bảy trăm mười hai đồng*), trong đó :

- Số tiền chưa thanh toán theo Hợp đồng số: 03/2017/HĐKT ngày 01/3/2017 là 2.716.000.000 đồng (*Hai tỷ, bảy trăm mười sáu triệu đồng*), đã thanh toán xong ngày 30/11/2020.

- Số tiền lãi do chậm thanh toán là 466.556.712 đồng (*Bốn trăm sáu mươi sáu triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, bảy trăm mười hai đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nguyên đơn Công ty E có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn Tổng công ty B không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền 466.556.712 đồng cho nguyên đơn Công ty E thì bị đơn Tổng công ty B còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Về án phí:

- Tổng công ty B phải chịu 95.651.000đ (*Chín mươi năm triệu, sáu trăm năm mươi một nghìn đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm Tổng công ty B đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002582 ngày 08/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long. Tổng công ty B còn phải nộp 95.651.000 đồng (*Chín mươi năm triệu, sáu trăm năm mươi một nghìn đồng*).

- Trả lại Công ty cổ phần E 51.308.000 đồng (*Năm mươi một triệu, ba trăm linh tám nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002208 ngày 24/2/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS tỉnh Quảng Ninh;
- Tòa án thành phố Hạ Long;
- Chi cục THADS tp Hạ Long;
- Lưu VP; lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thúy Hằng

